

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2018
V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2017/TLST-DS ngày 08/11/2017 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 24/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-DS ngày 22/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng N.

Địa chỉ: Đường D, quận T, TP Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu X – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh H. (Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Địa chỉ: Đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người được ủy quyền lại: Ông Trần Đại T – Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N – Chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền ngày 08/11/2017). Có mặt.

Địa chỉ: Đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Hoài N, sinh năm 1976; bà Bùi Thị T1, sinh năm 1983. Điều vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố X, TT B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ cũ: Đường G, TDP Y, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ mới: Đường H, TDP T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện; tại bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đại T trình bày:

Ngày 11/8/2011 ông Trần Hoài N và bà Bùi Thị T1 ký hợp đồng tín dụng số 5218LAV201101275 với Ngân hàng N – Chi nhánh H để vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 23%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ vào ngày 11/8/2012, đã được Ngân hàng cho gia hạn nợ đến hết ngày 11/8/2014. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Khi vay có thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA *****, thửa đất số 532, tờ bản đồ số 3, diện tích 224m², địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/3/2010 mang tên hộ ông Trần Hoài N và bà Bùi Thị T1.

Quá trình vay nợ ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền nào. Hiện nay ông N, bà T1 còn nợ Ngân hàng N số tiền 200.000.000đ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/6/2018 là 169.455.556đ.

Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền 369.455.556đ; trong đó tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18/6/2018 là 169.455.556đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/6/2018 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp ông N, bà T1 không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Đối với bị đơn ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N, bà T1 không có mặt tại địa phương, cố tình giấu địa chỉ nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử theo đúng quy định tại các Điều 35; 39; 48; 68; 96; 97; 102; 195; 196; 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông N, bà T1 không có mặt tại nơi cư trú và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì Tòa án tiếp tục giải quyết là đúng quy định.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70; 71; 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 40; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 200.000.000đ gốc và tiền lãi theo quy định.

Trong trường hợp ông N, bà T1 không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

Về chi phí giám định: Buộc ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 phải chịu tiền chi phí giám định.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng N chịu chi phí thông báo.

Về án phí: Buộc ông N, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 200.000.000đ gốc và tiền lãi phát sinh từ khi vay cho đến nay, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”; bị đơn ông N, bà T1 cư trú tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông N, bà T1 nhưng ông N, bà T1 không có mặt tại địa phương, cố tình giấu địa chỉ, không thông báo cho nguyên đơn biết, trốn tránh việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông N, bà T1 nhưng ông, bà vẫn không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 5; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bị đơn ông N, bà T1 đều vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về các yêu cầu của đương sự:*

Ngày 11/8/2011 ông Trần Hoài N và bà Bùi Thị T1 ký hợp đồng tín dụng số 5218LAV201101275 với Ngân hàng N – Chi nhánh H để vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 23%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ vào ngày 11/8/2012, đã được Ngân hàng cho gia hạn nợ đến hết ngày 11/8/2014. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay nợ ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào. Hiện nay ông N, bà T1 còn nợ Ngân hàng N số tiền 200.000.000đ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/6/2018 là 169.455.556đ.

Do bị đơn không hợp tác làm việc, để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 tại Hợp đồng tín dụng số 5218LAV201101275 ngày 11/8/2011 giữa bên cho vay là Ngân hàng N – Chi nhánh H và bên vay là ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án so với chữ ký và chữ viết của ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167 ngày 02/8/2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N – Chi nhánh H và bên thế chấp là ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/8/2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N – Chi nhánh H và bên thế chấp là ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 (các tài liệu so sánh đều do nguyên đơn cung cấp, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã B1).

Tại kết luận giám định số 44/PC54 ngày 10/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Hoài N dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tín dụng số 5218LAV201101275 ngày 11/8/2011) so với chữ kí, chữ viết mang tên Trần Hoài N trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167 ngày 02/8/2010), M2 (đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/8/2010) *là do cùng một người ký và viết ra.*

Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thị T1 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tín dụng số 5218LAV201101275 ngày 11/8/2011) so với chữ kí, chữ viết mang tên Bùi Thị T1 tại dòng thứ 01, 02 tính từ dưới lên bên dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167 ngày 02/8/2010) và chữ ký chữ viết mang tên Bùi Thị T1 bên trái phía dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 (đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/8/2010) *là do cùng một người ký và viết ra.*

Căn cứ vào kết quả giám định, trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ,

ông N, bà T1 không thanh toán được nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền 369.455.556đ; trong đó tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18/6/2018 là 169.455.556đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/6/2018 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự.

Sau khi ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 trả nợ xong thì Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh H) có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA *****, do UBND huyện K cấp ngày 16/3/2010 mang tên hộ ông Trần Hoài N và bà Bùi Thị T1.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Bảo đảm cho hợp đồng tín dụng ông N, bà T1 đã thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA *****, thửa đất số 532, tờ bản đồ số 3, diện tích 224m², địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/3/2010 mang tên hộ ông Trần Hoài N và bà Bùi Thị T1. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167 ngày 02/8/2010 được ký kết giữa Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh H) với ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc đăng ký thế chấp của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là hợp đồng thế chấp hợp pháp. Trong trường hợp ông N, bà T1 không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng N thì xử lý tài sản thế chấp của ông N, bà T1 theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

[4] *Về chi phí giám định:* Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng Dân sự, do ông N, bà T1 cố tình giấu địa chỉ, không hợp tác làm việc nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và kết quả giám định xác định đúng chữ ký, chữ viết là của ông N, bà T1. Do đó ông N, bà T1 phải chịu tiền chi phí giám định là 4.320.000đ. Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh H) được nhận lại 4.320.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông N, bà T1.

[5] *Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:* Căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Ngân hàng N chịu chi phí là 2.875.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí thông báo đã nộp tại Tòa án là 2.875.000đ.

[6] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.472.000đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 180; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 3 Điều 40; Điều 299; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 phải trả cho Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh H) số tiền 369.455.556đ (*Ba trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18/6/2018 là 169.455.556đ.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông N, bà T1 trả nợ xong thì Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh H) có nghĩa vụ trả lại cho ông N, bà T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA *****, do UBND huyện K cấp ngày 16/3/2010 mang tên hộ ông Trần Hoài N và bà Bùi Thị T1.

Trong trường hợp ông N, bà T1 không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167 ngày 02/8/2010 gồm Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA *****, thửa đất số 532, tờ bản đồ số 3, diện tích 224m², địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/3/2010 mang tên hộ ông Trần Hoài N và bà Bùi Thị T1.

2. *Về chi phí giám định:* Buộc ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 phải chịu tiền chi phí giám định là 4.320.000đ (*Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh H) được nhận lại 4.320.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông N, bà T1.

3. *Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:* Ngân hàng N chịu chi phí là 2.875.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí thông báo đã nộp là 2.875.000đ.

4. *Về án phí:*

- Buộc ông Trần Hoài N, bà Bùi Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 18.472.000đ (*Mười tám triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh H) số tiền tạm ứng án phí 8.852.500đ (*Tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0004132 ngày 08/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đại Minh